TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2018/DS –ST
Ngày 06/02/2018
V/v Tranh chấp về giao dịch dân sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Khánh Hợp
Ông Hà Quang Hành
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bắc -Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiền - Kiểm sátviên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V;xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp về giao dịch dân sự".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/DSST, ngày 26/01/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1958; Có mặt
Địa chỉ: Thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái;
(Bà Đỗ Thị Tđã ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng theo văn bản lập ngày 23/11/2017)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; Vắng mặt có lý do.
Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái;
Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T trình bày:Tháng 7/2013 bà Nguyễn Thị L đến nhà hỏi vay tiềnđể lấy vốn buôn bán, vợ chồng ông đồng ý cho vaysố tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng), khi nhận đủ tiền bà L tự viết giấy vay tiền hai bên thỏa thuận miệng vềlãi suất 2%/tháng, thời gian vay trong hạn hai tháng, sau đó bà L còn vay thêm số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) không viết giấy vay. Đến hạn bà L không trả được và bỏ về quê tại Thôn X, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, tháng 11/2014ông Tđã về Bắc Ninh tìm gặp bà L và yêu cầu viết giấy biên nhận cộng các lần vay vào một, bà L đồng ý và viết giấy vay đề ngày 15/11/2014 có nội dung cụ thể: " *Hôm nay ngày 15-11-2014 tên tôi là Nguyễn Thị L, cư trú thôn V, xã S- V – Yên Bái có vay của cô chú T ở V, S số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) Người vay Nguyễn Thị L*" tiếp theo " *Còn 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) đến lúc trả không tính lãi, người nhận Nguyễn Thị L*" phần dưới cùng của giấy vay tiền có dòng chữ "*Hạn trả cuối cùng là hai năm*" toàn

bộ nội dung giấy vay tiền do bà L tự viết, riêng dòng chữ "*Hạn trả cuối cùng là hai năm*" là do ông Tviết vào để nhớ. Như vậy bà Lcòn nợvợ chồng ông T tổng số tiền 48.000.000đ(Bốn mươi tám triệu đồng). Quá hạn trả bà L không trả, ông T phải đi lại rất nhiều lần để đòi nhưng bà Lđều xin khất nợ, đến nay ông T khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền đã vay còn nợ với tổng số 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng), không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2018, bà Nguyễn Thị L trình bày: Họ tên chính của tôi là Nguyễn Thị L mọi người ở quê gọi tôi là L, nhưngkhi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái tên tôi là Nguyễn Thị L. Do cần tiền vốn làm ăn, buôn bán vào thời gian tháng 9/2013 tôi có vay của vợ chồng ông Tbà T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) có viết giấy vay, hai bên thỏa thuận ngoài không ghi vào giấy vay lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay hai tháng, sau đó còn vay ông T nhiều lần nữa với số tiền 18.000.000đ nhưng không viết giấy vay. Tháng 10/2013 tôi về quê tại Bắc Ninh sinh sống ông T đã tìm đến nhà và yêu cầu tôi viết lại giấy vay tiền. Tôi đồng ý và viết giấy vay tiềnđề ngày 15/11/2014, trong giấy ghi hai khoản tiền là của hai lần vay, khi đến hạn tôi đã thanh toán xong khoản nợ 18.000.000đ, còn nợ lại số tiền 30.000.000đ, đến hạn trả nợ nhưng chưa có tiền trả đã khất nợ nhiều lần vàđược ông T chốt số nợ 30.000.000đ. Nay ông T yêu cầu tôi phải trả tổng số tiền nợ là 48.000.000đ(Bốn mươi tám triệu đồng) thì tôi không công nhận vì số tiền 18.000.000đ đã thanh toán xong, chỉ còn nợ số tiền gốc 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng), và sẽ trả nợ khoản này hết vào tháng 01 năm 2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến: Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị HĐXX xét xử theoquy định của pháp luật. Quá trình tố tụng Thẩm phán, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thành phần tham gia HĐXX đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp về đòi nợ tiền thông qua giao dịch dân sự, đã qúa hạn trả tiền bà L không trả nợ được cho ông T. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ đề nghị HĐXX buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền đã vay48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng)và không phải trả tiền lãi. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn cùng địa chỉ thôn V, xã S, huyện V, yêu cầu khởi kiện thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp về giao dịch dân sự" đòi tiền cho vay, Tòa án nhân dân huyện V giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án thì bà Đỗ Thị T có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Trung T tham gia tố tụng và có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên

quan đến nội dung khởi kiện, kể từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án, văn bản ủy quyền là hợp lệ. Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, ngày 02/02/2018 bà L có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Năm 2013 vợ chồng ông Nguyễn Trung Tvà bà Đỗ Thị T đã cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) có viết giấy vay tiền, sau đó bà L vay thêm 18.000.000đ(Mười tám triệu đồng), tháng 10/2013 bà L về quê sinh sống và làm ăn tại Thôn X, xã Đ, huyện Q tỉnh Bắc Ninh, ông T đã về gặp bà L và hai bên thống nhất viết giấy vay đề ngày 15/11/2014 tổng cộng số tiền vay 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng). Lời trình bày của ông T và lời khai của bà L là thống nhất, như vậy có cơ sở kết luận bà Nguyễn Thị L có vay tiền của vợ chồng ông T tống số tiền 48.000.000đ(Bốn mươi tám triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay hai năm (đến tháng 11/2016).Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2018 bà L thừa nhận có vay tổng số tiền 48.000.000đ, nhưng bà đã trả được 18.000.000đ, chỉ còn nợ lại cho đến nay là 30.000.000đ, bản thân bà L thừa nhận mình không có chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền này, theo ông Thực trình bày thì bà L chưa trả được một đồng tiền vay nào, vì nếu trả thì hai bên cùng nhau gạch bỏ số tiền đã ghi trên giấy vay hoặc hủy bỏ giấy vay khi trả hết số tiền vay, trong thực tế vợ chồng ông đã đòi bà L rất nhiều lần không được trả tiền, đến tháng 10 năm 2013 thì bà Lbỏ về quê sinh sống, bản thân ông đã phải tìm về tận quê gặp bà Lđể đòi tiền, nhưng bà L nêu khó khăn không có tiền trả, bà L khai đã trả được số tiền 18.000.000đ là không đúng sự thực, nay ông T chỉ yêu cầu bà L trả toàn bộ nợ gốc 48.000.000đồng, không yêu cầu phải trả tiền lãi. Xét yêu cầu của ông T là tự nguyện phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự.Theo kết quả ủy thác thu thập chứng cứ bà L còn khai việc vay tiền của vợ chồng ông T, bà L không nói cho chồng là ông Vũ Đình V biết và bà L nhận chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho vợ chồng ông T; Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/01/2018 ông Vũ Đình V khẳng định mình không biết việc bà L vay tiền và còn nợ và ông V không có trách nhiệm phải trả số tiền do bà L còn nợ. Do đó HĐXX không đưa ông Vũ Đình V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã xác định giấy vay tiền đề ngày 15/11/2014 có nội dung“ *Hôm nay ngày 15-11-2014 tên tôi là Nguyễn Thị L, cư trú thôn V, xã S- V – Yên Bái có vay của cô chú T ở V, S số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) Người vay Nguyễn Thị L*” tiếp theo ghi “ *Còn 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) đến lúc trả không tính lãi, người nhận Nguyễn Thị L*” , giấy vay do chính bà L viết, nội dung ghi rõ số tiền vay, không có dấu vết của tẩy xóa, các đương sự không tranh chấp về hình thức, nội dung, thời gian vay. Việc vay tiền giữa bà L và vợ chồng ông T xuất phát trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia là người có đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự được coi đây là giao dịch dân sự, theo đó bên có nghĩa vụ

không thực hiện thỏa thuận thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật dân sự.

Từ phân tích trên xác định yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ pháp lý được chấp nhận, cần buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho vợ chồng ông T tổng số tiền vay còn nợ 48.000.000đ(Bốn mươi tám triệu đồng) không phải trả lãi.Ông T không phải chịu án phí dân sự, bà L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274, 280, 468 của Bộ luật dân sự ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2/ Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Trung T và bà Đỗ Thị T số tiền vay còn nợ 48.000.000đ(Bốn mươi tám triệu đồng), không phải trả tiền lãi.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Trung T số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2013/03986, ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái.

4/ Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Trung T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi Cục T.H.A DS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký và đóng dấu
Nguyễn Trung Sơn